

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/DS-PT
Ngày: 23-3-2023
V/v “Tranh chấp quyền tưới
nước, tiêu nước trong canh tác”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Đặng Văn Nhữn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp quyền tưới nước, tiêu nước trong canh tác”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962;

2. Bà Thi Thị Q, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp P của ông K và bà Q: Bà Trần Thị Kim G, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 25-4-2022).

- Bị đơn:

1. Bà Thi Thị M1, sinh năm 1962;

2. Bà Thi Thị T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp P của bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T và ông Nguyễn Văn P: Luật sư Phạm Thanh Đ, Văn phòng Luật sư Thanh Đ, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T - Bị đơn; ông Nguyễn Văn P - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Ông K, bà G, bà M1, bà T, ông P và ông Điền có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 13-12-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06-7-2022, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bà Thi Thị Q do bà Trần Thị Kim G đại diện hợp P trình bày:

Ông K và bà Q canh tác các thửa đất số 1688, 1714, 1716, 1721, 1500, 1502, 1687, 1685 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp 5 xã Mỹ Quý Đông, diện tích khoảng 70.000m². Để dẫn nước tưới tiêu vào canh tác thì ông K, bà Q sử dụng đường nước công cộng ngang 3m x dài 20m tiếp giáp với các thửa đất 1494, 1495, 1482, 1484, 1483, 1485 của bà Võ Thị Xê, bà Thi Thị M1, Thi Thị T và Thi Văn Lầu từ năm 1996 đến năm 2002. Đến năm 2002, bà M1, bà T thỏa thuận lắp một đoạn đường nước cũ phần qua các thửa 1484, 1485 và mở đường nước mới qua các thửa 1485 (bà M1 đã bán cho bà T và hiện do bà T đứng tên) và thửa 1483 (do bà M1 đứng tên) là khu A và khu B của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 (sau đây gọi tắt là Mảnh trích đo 462-2021). Ông K, bà Q sử dụng đường tưới tiêu nước đoạn kênh cũ và khu A, B từ năm 2002 đến năm 2019 thì bà M1, bà T tranh chấp, lắp đoạn kênh mới mở (khu A và khu B của Mảnh trích đo 462-2021), không cho ông K, bà Q tiếp tục sử dụng để tưới tiêu nước trong canh tác. Đối với phần trong của đoạn kênh cũ thì bà T, bà M1 không cho ông K, bà Q nạo vét để tiếp tục sử dụng.

Ông K, bà Q yêu cầu: yêu cầu bà M1 cho ông K, bà Q nạo vét đường tưới nước chiều ngang 04m x chiều dài tiếp giáp với các thửa đất 1483, 1482, 1495 tờ bản đồ số 6 xã Mỹ Quý Đông do bà Thi Thị M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu bà T cho ông K, bà Q nạo vét đường tưới nước chiều ngang 04m x chiều dài tiếp giáp với các thửa đất 1484, 1485 tờ bản đồ số 6 xã Mỹ Quý Đông do bà Thi Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà Thi Thị M1 trình bày:

Có đường kênh cũ tiếp giáp một bên là các thửa đất 1495, 1482, 1483 thuộc quyền sử dụng đất của bà M1 và bên còn lại là thửa 1484 thuộc quyền sử dụng của bà T. Năm 2000, bà M1 và bà T cho cha ruột là ông Thi Văn L (chết 2018) mượn để làm đường dẫn nước. Khu A, B của Mảnh trích đo 462-2021 là đoạn kênh mới hình thành từ năm 2002 sau khi hoán đổi và lấp một đoạn kênh cũ với mục đích để ông L thuận tiện trong canh tác. Sau khi ông L chết, ông K bà Q tự ý nạo vét đường kênh mà không hỏi ý kiến của bà T, bà M1 nên bà T, bà M1 lấy đất lại và không cho ông K, bà Q nạo vét đường kênh đoạn qua các thửa 1483, 1482, 1495 tờ bản đồ số 6 xã Mỹ Quý Đông do bà M1 đứng tên quyền sử dụng và đoạn qua các thửa đất 1485, 1484 tờ bản đồ số 6 xã Mỹ Quý Đông do bà T đứng tên quyền sử dụng. Bà M1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K, bà Q vì đường kênh thuộc quyền sử dụng đất của bà M1 và bà T; ông K, bà Q nạo vét đường kênh để dẫn nước sẽ ảnh hưởng đến việc canh tác của bà M1 và bà T trên các thửa đất.

Bị đơn bà Thi Thị T trình bày:

Bà đồng ý toàn bộ phần trình bày của bà M1, không đồng ý cho ông K, bà Q nạo vét đoạn kênh tại khu A, B của Mảnh trích đo và đoạn kênh cũ còn lại tiếp giáp với các thửa 1484, 1482, 1495 vì sẽ bị ảnh hưởng đến canh tác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Diện tích đất đường kênh ông K, bà Q đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông và bà T. Ông thống nhất toàn bộ phần trình bày của bà T, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K, bà Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp P của ông K, bà Q trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng đối với đoạn kênh mới hình thành (Khu A, B của Mảnh trích đo 462-2021) thì ông K, bà Q đặt 02 đường cống bằng nhựa song song liền kề nhau, đường kính mỗi cống 50cm, chiều sâu từ đáy mỗi cống đến mặt đất của thửa 1483, 1485 (mặt ruộng) là 1,5m đến 1,8m; chiều dài hết khu A, B của Mảnh trích đo số 462-2021 theo cạnh hướng Tây là 10,7m + 3,8m. Sau khi đặt cống thì lấp đất lên phía trên các ống cống cho bằng mặt ruộng của thửa 1483, 1485 để không ảnh hưởng đến việc sản xuất của bà T, bà M1. Đối với đoạn kênh cũ thì yêu cầu được nạo vét theo hiện trạng kênh cũ, chiều sâu 02m, đáy kênh 02m, mặt cắt phía trên 04m, không lấn vào các thửa đất 1482, 1483, 1484, 1485, 1495. Ông K, bà Q tự nguyện trả cho bà M1 và bà T 7.400.000 đồng tương ứng với giá trị 148m² đất mà ông K, bà Q sẽ đặt đường ống cống nhựa dẫn nước phía dưới lòng đất qua các thửa 1483, 1485. Ông K, bà Q tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá và án phí trong vụ án.

Bà M1, bà T và ông P trình bày: không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K, bà Q, chỉ đồng ý cho ông K và bà Q đặt ống bằng ni-long trên mặt đất theo đường kênh cũ để bơm nước từ kênh Biên phòng vào ruộng.

Các đương sự thống nhất Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biên khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt

ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021; đồng ý kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15-7-2020 và đồng ý kết quả định giá tài sản ngày 15-7-2020 với giá trị đất 50.000 đồng/m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 253, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Thi Thị Q đối với bà Thi Thị T, bà Thi Thị M1 về việc “tranh chấp quyền tưới nước, tiêu nước trong canh tác”

- Buộc bà Thi Thị T và ông Nguyễn Văn P phải dành một phần diện tích 32m² thuộc quyền sử dụng của bà T tại thửa 1485 tờ bản đồ số 6 xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ tỉnh Long An để cho ông K, bà Q đặt đường ống cống làm đường tưới nước, tiêu nước trong canh tác (khu A của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021).

- Buộc bà Thi Thị M1 phải dành một phần diện tích 116m² thuộc quyền sử dụng của bà M1 tại thửa 1483 tờ bản đồ số 6 xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ tỉnh Long An để cho ông K, bà Q đặt đường ống cống làm đường tưới nước, tiêu nước trong canh tác (khu B của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021).

- Ông K, bà Q phải đặt 02 đường ống cống bằng nhựa song song liền kề nhau, đường kính mỗi cống 50cm, chiều sâu từ đáy mỗi cống đến mặt đất của thửa 1483, 1485 (mặt ruộng) là 1,5m đến 1,8m; chiều dài hết khu A, B của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021. Sau khi đặt 02 đường ống cống xong thì phải lấp đất lên phía trên các ống cống cho bằng mặt ruộng của thửa 1485 của bà T và thửa 1483 của bà M1.

- Buộc bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T và ông Nguyễn Văn P phải cho ông K, bà Q nạo vét đoạn kênh cũ (tức phần liền kề theo hướng từ Bắc đến Nam của khu A, B của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mạnh trích đo địa chính số 462-2021) tiếp giáp giữa các thửa đất 1482, 1483 (thuộc quyền sử dụng đất của bà M1) và thửa 1484 (thuộc quyền sử dụng đất của bà T) để tưới nước, tiêu nước trong canh tác.

- Ông K, bà Q khi nạo vét đoạn kênh tiếp giáp giữa các thửa đất 1482, 1483 và thửa 1484 tức phần liền kề theo hướng Bắc Nam với khu A, B phải đảm bảo về các thông số: cao trình đáy (độ sâu kênh tính từ mặt ruộng) Z/đáy là 2,0m; bề rộng mặt đáy của kênh là 02m; mái taluy mỗi bên 01m, chiều rộng mặt kênh tối đa là 04m. Sau khi nạo vét kênh, ông K, bà Q có nghĩa vụ dọn vệ sinh và trả lại đúng hiện trạng ban đầu trên thửa đất 1482, 1483 của bà M1 và thửa 1484 của bà T.

Vị trí, số đo cụ thể từng cạnh của khu A, B và vị trí, số đo cụ thể từng cạnh của đoạn kênh được nạo vét (trừ khu A, B, C, D) được xác định theo Mạnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mạnh trích đo địa chính số 462-2021 (được đính kèm bản án).

- Toàn bộ chi phí liên quan đến việc đặt đường ống cống tưới nước, tiêu nước và nạo vét kênh, dọn vệ sinh sau khi nạo vét kênh do ông K, bà Q chịu.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn K và bà Thi Thị Q tự nguyện trả cho bà Thi Thị T 1.600.000 đồng và trả cho bà Thi Thị M1 5.800.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05-10-2022, bị đơn bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bà Thi Thị Q do bà Trần Thị Kim G đại diện hợp P trình bày:

Nhu cầu tưới tiêu của ông K và bà Q là cần thiết. Công văn số 2812/UBND-TNMT ngày 22-9-2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ và Công văn số 566/UBND ngày 08-7-2021 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Đông đều xác định ngoài đường kênh tưới nước, tiêu nước tiếp giáp với các thửa đất 1494, 1495, 1482, 1483, 1484, 1485 tờ bản đồ số 6, xã Mỹ Quý Đông, hiện nay không còn đường tưới nước, tiêu nước nào khác dẫn nước từ kênh Biên Phòng đến các thửa đất của ông K, bà Q. Ông K và bà Q xin đặt cống không ảnh hưởng đến việc canh tác của bà T và bà M1. Ngoài ra, ông K đã tự nguyện bồi thường, chịu chi phí tố tụng và án phí. Trước đây đã có đường nước công cộng, ông K nạo vét đúng quy định nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp P của bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T và ông Nguyễn Văn P trình bày:

Nguyên đơn không có nhu cầu mở lối thoát nước vì đã có mua đất khác để làm đường nước. Việc nguyên đơn cho rằng vị trí đất đã mua không thể sử dụng để dẫn nước vào ruộng được do đất của ông K cao nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên chỉ có tính chất tham khảo. Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ và Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Đông xác nhận ông K không có đường thoát nước nào khác là không đúng. Đào sâu 2m để ông K đặt cống là vi phạm bảo vệ hành lang kênh Biên Phòng. Nguyên đơn yêu cầu được nạo vét theo lòng kênh cũ khoảng 4m sẽ lấn chiếm vào đất hai bên nên đất bị chuyển đổi mục đích phục vụ lợi ích công cộng. Cho nạo vét kênh cũ thì đất vận chuyển đường nào, khu A và B theo Mảnh trích đo nếu đào đặt cống phải bằng cơ giới thì không có đường đi. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T, bà M1 và ông P, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi K của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo P luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của bà M1, bà T và ông P trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đường nước mà ông K sử dụng đã tồn tại từ năm 1996 đến năm 2002 mới mở một đoạn mới tại khu A và B. Ông L và ông K cùng sử dụng đến năm 2019 thì xảy ra tranh chấp. Văn bản của Ủy ban nhân dân xã xác định ông K không còn đường nào khác để ông K sử dụng tưới, tiêu khi canh tác. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và bà M1 cũng thể hiện tiếp giáp với đường nước. Bên ông K tự nguyện bồi thường cho bà T và bà M1 khi đặt cống. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo của bà T, bà M1 và ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Ông K, bà Q và bà M1, bà T, ông P đều thừa nhận có 01 đường kênh dẫn nước theo hướng từ Nam đến Bắc tiếp giáp giữa một bên là các thửa 1495, 1482, 1483, 1485 và một bên là các thửa 1494, 1492, 1484 tờ bản đồ số 6, xã Mỹ Quý Đông tồn tại trước năm 1996. Đến năm 2002 thì được lấp lại đoạn tiếp giáp giữa 02 thửa 1484 và 1485 để mở một đoạn khác (khu A diện tích 32m² thuộc 01 phần thửa 1485 và khu B diện tích 116m² thuộc 01 phần thửa 1483) để nối với đoạn kênh cũ dẫn nước từ kênh Biên phòng vào tưới tiêu diện tích đất canh tác phía trong. Đoạn kênh mới hoán đổi để mở (khu A, B của Mảnh trích đo số 462-

2021) được ông Thi Văn L (cha bà M1, bà T) cùng ông K bà Q sử dụng từ năm 2002 đến năm 2019 thì phát sinh tranh chấp vì bà M1, bà T lấp lại đoạn đầu kênh (khu A, B của Mảnh trích đo số 462-2021) và không cho ông K, bà Q nạo vét đoạn kênh cũ để dẫn nước canh tác là phù hợp với nội dung Công văn số 2812/UBND-TNMT ngày 22-9-2021 của UBND huyện Đức Huệ về nguồn gốc đường kênh đang tranh chấp và quá trình các bên sử dụng đường kênh đang tranh chấp để tưới nước, tiêu nước trong canh tác.

[3] Ông K, bà Q canh tác các thửa đất số 1688, 1714, 1716, 1721, 1500, 1502, 1687, 1685 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp 5, xã Mỹ Quý Đông, đã sử dụng đường tưới nước, tiêu nước bằng đường kênh do nhà nước quản lý từ trước năm 1997 đến năm 2002. Từ năm 2002, các bên tự hoán đổi vị trí để tự hình thành một đoạn kênh mới (khu A, B của Mảnh trích đo số 462-2021) và tiếp tục sử dụng đến năm 2019. Công văn số 2812/UBND-TNMT ngày 22-9-2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ và Công văn số 566/UBND ngày 08-7-2021 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Đông đều xác định ngoài đường kênh tưới nước, tiêu nước tiếp giáp với các thửa đất 1494, 1495, 1482, 1483, 1484, 1485 tờ bản đồ số 6, xã Mỹ Quý Đông, hiện nay không còn đường tưới nước, tiêu nước nào khác dẫn nước từ kênh Biên phòng đến các thửa đất của ông K, bà Q.

[4] Đồng thời các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1482 của bà M1 và thửa 1485 của bà T đều thể hiện rõ có tiếp giáp với kênh và đường mương nước nên bà M1, bà T cho rằng đường kênh dẫn nước thuộc quyền sử dụng của bà M1, bà T là không đúng, không có căn cứ chấp nhận. Chiều ngang đoạn kênh cũ đoạn hẹp nhất là 4m, rộng nhất là 6,8m. Ông K, bà Q yêu cầu nạo vét đường kênh tưới tiêu nước với chiều sâu 02m, đáy kênh 02m, mặt cắt phía trên 04m là trong phạm vi đường kênh cũ, không lấn sang các thửa đất 1482, 1483 của bà M1 và thửa 1484 của bà T và đảm bảo về các thông số theo Công văn số 225/NNPTNT ngày 15-9-2022 của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đức Huệ. Việc ông K đặt cống tại khu A và B theo Mảnh trích đo có chiều sâu từ 1,5m đến 1,8m không làm ảnh hưởng đến bảo vệ hành lang kênh Biên Phòng.

[5] Ông K, bà Q tự nguyện bồi thường cho bà M1 và bà T 7.400.000 đồng tương đương với giá trị đất đoạn kênh A, B theo kết quả định giá ngày 15-7-2020 cụ thể trả cho bà M1 5.800.000 đồng ($116\text{m}^2 \times 50.000 \text{ đồng/m}^2$) và trả cho bà T 1.600.000 đồng ($32\text{m}^2 \times 50.000 \text{ đồng/m}^2$) là phù hợp với Điều 253 Bộ luật Dân sự và đảm bảo quyền lợi cho bà M1, bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp.

[6] Bà M1, bà T và ông P kháng cáo cho rằng các thửa ruộng của ông K cách bờ kênh lớn 30m (theo hướng Tây), ông K đã mua phần đất ngang 2m, dài 30m để dẫn nước thông ra kênh. Ông K trình bày, ông mua đường nước này chỉ để tiêu nước vì thấp hơn đất của ông, không tưới nước được do ruộng của ông cao hơn. Ông Nguyễn Văn M trình bày, ông có chuyển nhượng phần đất trồng cho ông K nhưng chỉ để thoát nước, vì đất của ông K nằm trên gò cao.

[7] Thấy rằng, như đã nhận định ở trên, đường kênh cũ đã tồn tại trước năm 1996, đến năm 2002 thì được lấp lại đoạn tiếp giáp giữa 02 thửa 1484 và 1485 để mở một đoạn khác là khu A và khu B theo Mảnh trích đo, được ông Thi Văn L (cha bà M1, bà T) cùng ông K bà Q đã sử dụng từ năm 2002 đến năm 2019 thì bị lấp lại. Như vậy, ông K bà Q chỉ yêu cầu được tiếp tục sử dụng đường nước đã tồn tại, đây là lối dẫn nước thích hợp, thuận tiện cho việc tưới, tiêu của ông K (không phải xin mở đường tưới tiêu mới). Hơn nữa, tại khu A và khu B theo Mảnh trích đo, ông K, bà Q phải đặt đường ống cống với chiều sâu cách mặt ruộng từ 1,5 đến 1,8m để làm đường tưới nước, tiêu nước trong canh tác nên việc bà M1, bà T và ông P cho rằng ông K đã mua phần đất ngang 2m, dài 30m để dẫn nước thông ra kênh để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và bà Q là không có cơ sở.

[8] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 253 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T, ông Nguyễn Văn P kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Như đã nhận định trên, xét thấy lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp P của bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T và ông Nguyễn Văn P đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M1, bà T và ông P là có căn cứ.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà T và ông P mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà M1 thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T và ông Nguyễn Văn P;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ;

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 253, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Thi Thị Q đối với bà Thi Thị T, bà Thi Thị M1 về việc “tranh chấp quyền tưới nước, tiêu nước trong canh tác”.

Buộc bà Thi Thị T và ông Nguyễn Văn P phải dành một phần diện tích 32m² thuộc quyền sử dụng của bà T tại thửa 1485 tờ bản đồ số 6 xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ tỉnh Long An để cho ông K, bà Q đặt đường ống cống làm đường tưới nước, tiêu nước trong canh tác (khu A của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021).

Buộc bà Thi Thị M1 phải dành một phần diện tích 116m² thuộc quyền sử dụng của bà M1 tại thửa 1483 tờ bản đồ số 6 xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ tỉnh Long An để cho ông K, bà Q đặt đường ống cống làm đường tưới nước, tiêu nước trong canh tác (khu B của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021).

- Ông K, bà Q phải đặt 02 đường ống cống bằng nhựa song song liền kề nhau, đường kính mỗi cống 50cm, chiều sâu từ đáy mỗi cống đến mặt đất của thửa 1483, 1485 (mặt ruộng) là 1,5m đến 1,8m; chiều dài hết khu A, B của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021. Sau khi đặt 02 đường ống cống xong thì phải lấp đất lên phía trên các ống cống cho bằng mặt ruộng của thửa 1485 của bà T và thửa 1483 của bà M1.

Buộc bà Thi Thị M1, bà Thi Thị T và ông Nguyễn Văn P phải cho ông K, bà Q nạo vét đoạn kênh cũ (tức phần liền kề theo hướng từ Bắc đến Nam của khu A, B của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mảnh trích đo địa chính số 462-2021) tiếp giáp giữa các thửa đất 1482, 1483 (thuộc quyền sử dụng đất của bà M1) và thửa 1484 (thuộc quyền sử dụng đất của bà T) để tưới nước, tiêu nước trong canh tác.

Ông K, bà Q khi nạo vét đoạn kênh tiếp giáp giữa các thửa đất 1482, 1483 và thửa 1484 tức phần liền kề theo hướng Bắc Nam với khu A, B phải đảm bảo về các thông số: cao trình đáy (độ sâu kênh tính từ mặt ruộng) Z/đáy là 2,0m; bề

rộng mặt đáy của kênh là 02m; mái taluy mỗi bên 01m, chiều rộng mặt kênh tối đa là 04m. Sau khi nạo vét kênh, ông K, bà Q có nghĩa vụ dọn vệ sinh và trả lại đúng hiện trạng ban đầu trên thửa đất 1482, 1483 của bà M1 và thửa 1484 của bà T.

Vị trí, số đo cụ thể từng cạnh của khu A, B và vị trí, số đo cụ thể từng cạnh của đoạn kênh được nạo vét (trừ khu A, B, C, D) được xác định theo Mẫu trích đo địa chính số 462-2021 ngày 24-12-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Huệ duyệt ngày 12-3-2021 và phụ lục số 01 ngày 21-6-2021 của Mẫu trích đo địa chính số 462-2021 (được đính kèm bản án).

Toàn bộ chi phí liên quan đến việc đặt đường ống công tưới nước, tiêu nước và nạo vét kênh, dọn vệ sinh sau khi nạo vét kênh do ông K, bà Q chịu.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn K và bà Thi Thị Q tự nguyện bồi thường cho bà Thi Thị T 1.600.000 đồng và bồi thường cho bà Thi Thị M1 5.800.000 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lệ phí đo đạc và chi phí thẩm định, định giá: Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn K và bà Thi Thị Q tự nguyện chịu 6.776.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Ông K đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn K và bà Thi Thị Q phải chịu tổng cộng 970.000 đồng (chín trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ với 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông K, bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0005073 ngày 09-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, ông K và bà Q còn phải nộp tiếp 470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Thi Thị T và ông Nguyễn Văn P mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0005324; Biên lai số 0005325 cùng ngày 05-10-2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An để thi hành án phí.

Bà Thi Thị M1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực P luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu